

Bản án số: 87/2022/DS-PT

Ngày 05/5/2022

V/v: “Tranh chấp đòi lại tài sản  
theo hợp đồng cổ đất”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

***Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải.

- Các thẩm phán: Bà Võ Bích Hải;

Bà Phan Thị Tuyết Mai.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Ngọc Thư - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:*** Ông Trần Thanh Vũ  
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 05/5/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 60/2022/TLPT-DS ngày 06/4/2022 về việc: “Tranh chấp đòi lại tài sản theo hợp đồng cổ đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2022/DSST ngày 24/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện C có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2022/QĐPT-DS ngày 12/04/2022, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:***

1.1 Bà Nguyễn Thị Tuyết B, sinh năm 1972; (có mặt)

1.2 Bà Huỳnh Thị Phương L1 sinh năm 1989; (có mặt)

1.3 Ông Huỳnh Nguyễn Duy L2, sinh năm 1997; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 184 ấp A, xã B, huyện C, thành phố Cần Thơ.

***2. Bị đơn:***

2.1 Ông Võ Hùng D, sinh năm 1967; (có mặt)

2.2 Bà Thân Thị Th, sinh năm 1966; (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, thành phố Cần Thơ.

***3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

3.1 Bà Nguyễn Thị Đ; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, thành phố Cần Thơ.

3.2 Nông Trường Sông H, thành phố Cần Thơ;

Địa chỉ: Ấp D, xã E, huyện F, thành phố Cần Thơ.

Đại diện: Ông Nguyễn Thanh P – Chức vụ: Giám đốc. (vắng mặt).

4. *Người kháng cáo:* Ông Võ Hùng D, bà Thân Thị Th là bị đơn trong vụ án.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Các nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết B, chị Huỳnh Thị Phương L1 và anh Huỳnh Nguyễn Duy L2 trình bày:

Nguyên vào ngày 10/01/2016 vợ chồng bà Nguyễn Thị Tuyết B ông Huỳnh Thanh T (nay đã chết) có cớ 11 công đất ruộng cho vợ chồng ông Võ Hùng D và bà Thân Thị Th, thời gian cớ là 04 năm đến ngày 10/01/2020 là hết hạn hợp đồng với số tiền vàng cớ là 88 chỉ vàng 24 kara, đất tọa lạc tại Nông trường Sông H thuộc ấp Ấp D, xã E, huyện F, thành phố Cần Thơ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/01/2006 do bà Lê Thị Đ đứng tên nhận giao khoán sản xuất.

Đến ngày 20/10/2018 do hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn. Ông T đau ốm và qua đời nên bà B có cớ thêm cho vợ chồng ông D 02 công đất với số vàng là 16 chỉ vàng 24 kara. Hiện thời gian cớ 11 công tại 01 phần thửa 135a đến năm 2020 là hết hạn, phía gia đình có liên hệ vợ chồng ông D cho chuộc lại nhưng gia đình ông D không cho chuộc. Do đó, các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu phía bị đơn trả lại đất theo hợp đồng cớ đất đã ký kết.

Phía bị đơn ông Võ Hùng D và bà Thân Thị Th có đơn phản tố trình bày: Ngày 10/01/2016 ông D và vợ là bà Th có thỏa thuận với anh Huỳnh Thanh T (vợ là Nguyễn Thị Tuyết B) đã đồng ý cớ cho vợ chồng ông, bà 11 công tầm 3 m, mỗi công là 08 chỉ vàng 24 kara, tổng cộng 11 công là 88 chỉ vàng 24 kara, thời hạn đến năm 2020 anh chị trả vàng thì ông, bà sẽ giao đất, ông bà đồng ý và ký tên.

Tuy nhiên, lần 2 ông Huỳnh Thanh T bệnh nặng thì các nguyên đơn đã đến nhà ông, bà để cớ thêm 02 công với giá cớ là 16 chỉ vàng 24 kara. Các nguyên đơn đồng ý cớ 13 công đất với thời hạn cớ là đến hết năm 2023 và số vàng cớ là 104 chỉ vàng 24 kara. Các nguyên đơn và phía ông bà có ký tên vào hợp đồng này.

Bị đơn xác định có yêu cầu phản tố là tất cả 13 công đất bao gồm 11 công đất cớ ban đầu và 2 công đất cớ thêm thì đến hết năm 2023 mới đến hạn chuộc. Phía bị đơn phản tố trường hợp giải quyết cho phía nguyên đơn chuộc lại đất thì phía bị đơn có yêu cầu bồi thường hợp đồng mỗi công 3 triệu, số công yêu cầu là 13 công, thời điểm yêu cầu là tháng 7/2020 đến hết năm 2023.

Phía người có quyền và nghĩa vụ liên quan là Nông trường Sông H trình bày: Nông trường Sông H là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ được Nhà nước giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên toàn bộ diện tích 6.924,83 héc ta (ha). Nông trường Sông H đã giao khoán cho bà Lê Thị Đ sản xuất tại thửa 135a với diện tích 2,45 ha là do đất Nông trường

đang quản lý, nếu có tranh chấp là quan hệ tranh chấp dân sự thì giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà Đ chết thì con của bà Đ là Huỳnh Thanh T cùng vợ con ông T có đất cho người khác canh tác sử dụng như vậy là đã vi phạm trong quản lý và sử dụng đất đai.

Vì vậy, hợp đồng có đất của ông Huỳnh Thanh T cùng vợ con ông T là vô hiệu, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thới Lai bác hợp đồng có đất. Nông trường yêu cầu ông Huỳnh Thanh T cùng vợ con ông T khắc phục ngay hậu quả của việc có đất (chuộc lại đất) để trực tiếp sản xuất và thực hiện các thủ tục chuyển tên người đại diện hộ nhận khoán từ bà Lê Thị Đ (đã chết). Nếu gia đình ông T cùng vợ con ông T không khắc phục hậu quả thì Nông trường Sông H áp dụng biện pháp thu hồi diện tích 2,45 ha đất giao khoán sản xuất do bà Lê Thị Đ đứng tên. Nông trường Sông H không có yêu cầu độc lập trong vụ án, xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án kể cả xét xử cho đến khi kết thúc vụ kiện.

Bà Nguyễn Thị Đ là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án có lời khai: Bà đang sử dụng phần diện tích 5.740,1 m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 135a thì không liên quan đến tranh chấp của nguyên đơn và bị đơn. Bà xác định không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Do các bên không thương lượng được cách giải quyết nên vụ kiện được đưa ra xét xử. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 07/2022/DSST ngày 24/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện C đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn gồm bà Nguyễn Thị Tuyết B, chị Huỳnh Thị Phương L1 và anh Huỳnh Nguyễn Duy L2.

Tuyên bố: Tờ có đất ngày 10/01/2016 được xác lập giữa ông Huỳnh Thanh T, bà Nguyễn Thị Tuyết B với ông Võ Hùng D và bà Thân Thị Th do bà Nguyễn Thị Tuyết B và ông Võ Hùng D cung cấp là vô hiệu. Thỏa thuận có đất được xác lập giữa bà Nguyễn Thị Tuyết B, chị Huỳnh Thị Phương L1 (Phương Lam) với ông Võ Hùng D và bà Thân Thị Th ngày 23/10/2018 do ông Võ Hùng D cung cấp là vô hiệu.

Buộc ông Võ Hùng D và bà Thân Thị Th có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết B, chị Huỳnh Thị Phương L1 và anh Huỳnh Nguyễn Duy L2 11 công đất, thuộc một phần thửa 135a theo đo đạc thực tế là 17.115,9 m<sup>2</sup>, số thửa theo bản trích đo địa chính là 08<sup>1</sup> (vị trí A) loại đất NTS+LUC, tờ bản đồ số 01 đất tọa lạc tại ấp Ấp D, xã E, huyện F, thành phố Cần Thơ. Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết B, bà Huỳnh Thị Phương L1 và ông Huỳnh Nguyễn Duy L2 có trách nhiệm trả cho ông Võ Hùng D và bà Thân Thị Th 88 (Tám mươi tám) chỉ vàng 24 kara.

Vị trí thửa đất được xác định theo bản trích đo địa chính số 37/ TTKTTNMT ngày 23/6/2021 và bản trích đo địa chính số 01/TTKTTNMT ngày 27/01/2022 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ (Đính kèm bản án).

Về cây trồng trên đất ông Võ Hùng D và bà Thân Thị Th tự thu hoạch, di dời khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Dành cho Nông trường Sông H một vụ kiện dân sự khác đối với hàng thừa kế thứ nhất của ông Huỳnh Thanh T, với ông Võ Hùng D và bà Thân Thị Th (nếu có).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí dân sự sơ thẩm, chi phí thẩm định tài sản và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án của Tòa án nhân dân huyện C tuyên xử, ông Võ Hùng D, bà Thân Thị Th đã kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn phải trả lại phần diện tích đất cổ là 11 công, các nguyên đơn đồng ý trả lại số vàng cổ đất là 88 chỉ vàng 24 kara. Phần cổ 02 công đất ngày 20/10/2018 chưa đến hạn hợp đồng nên các nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn trình bày: Không đồng ý trả lại diện tích đất cả hai lần cổ là 13 công. Vì theo cam kết là đến năm 2023 mới hết hạn trả đất. Bị đơn yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng cổ đất.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng, kháng cáo của ông Võ Hùng D và bà Thân Thị Th, là phù hợp pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử.

- Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại phần đất cổ với diện tích 11 công, bị đơn có phản tố nhưng bị đơn không nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm nên không được xem xét nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại tuyên cả hai tờ hợp đồng đều vô hiệu là vượt quá một phần khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm. Cụ thể là không giải quyết phần tuyên bố hợp đồng cổ đất ngày 28/10/2018 là vô hiệu vì chưa hết hạn hợp đồng. Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nông trường Sông H có yêu cầu tuyên bố hợp đồng ngày 28/10/2018 là vô hiệu nhưng không ai nộp tạm ứng án phí nên đề nghị không xem xét đối tờ hợp đồng ngày này. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông D và bà Th trong thời hạn pháp luật quy định và có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là đúng theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngày 10/01/2016 ông T và bà B có cổ cho ông D và bà Th phần đất 11 công tầm 3m thuộc một phần thửa 135a, đất tọa lạc tại Ấp D, xã E, huyện F, thành phố Cần Thơ với số vàng 88 chỉ vàng 24 kara. Ngày hết hạn hợp đồng là ngày 10/01/2020.

Tuy nhiên, hai bên không tranh chấp về số vàng cổ đất mà tranh chấp thời hạn cổ đất. Phía nguyên đơn thì cho rằng theo tờ cổ đất đến hạn năm 2020 là hết hạn nên xin chuộc lại. Bị đơn cũng cung cấp tờ cổ đất đến năm 2023 mới đến hạn chuộc. Bị đơn đã trồng xoài và một số loại cây khác yêu cầu Tòa án xem xét phần nhận cổ của phía bị đơn là 13 công đất, hạn cổ đến 28/10/2023 để đảm bảo quyền lợi cho phía bị đơn.

Qua xem xét Hội đồng xét xử thấy rằng: Phần đất mà ông T và bà B đem đi cổ cho ông D và bà Th là đất thuộc quyền quản lý của Nông trường Sông H giao khoán sản xuất cho bà Lê Thị Đ (đã chết, là mẹ ruột của ông Huỳnh Thanh T), khi bà Đ chết (ông T là hàng thừa kế thứ nhất và duy nhất của bà Đ). Đáng lẽ khi bà Đ chết ông T phải liên hệ với Nông trường Sông H để làm thủ tục chuyển tên người nhận khoán (diện thừa kế của bà Đ). Tuy nhiên, nguyên đơn đã tự ý đem đi cổ cho ông D và bà Th phần đất 11 công thuộc 01 phần thửa 135a không thông báo để có ý kiến của Nông trường Sông H là vi phạm các quy định của Nông trường Sông H khi giao khoán đất. Vì vậy, giao dịch về cổ đất đã xác lập giữa nguyên đơn và bị đơn là vô hiệu. Buộc các đương sự phải giao trả lại cho nhau những gì đã nhận. Bị đơn có trách nhiệm trả lại cho người thừa kế của bà Lê Thị Đ cũng như ông Huỳnh Thanh T là ông L2, bà L1 và bà B số đất 11 công theo thẩm định thực tế là 17.115,9 m<sup>2</sup> loại đất NTS+LUC, số thửa theo bản trích đo địa chính 8<sup>1</sup> (vị trí A), tờ bản đồ 01, tọa lạc tại Ấp D, xã E, huyện F, thành phố Cần Thơ và buộc bà B, ông L2 và bà L1 có trách nhiệm trả cho ông D và bà Th 88 chỉ vàng 24 kara là đúng thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật. Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C tuyên xử là có cơ sở nên phải giữ nguyên phần tuyên này.

[3] Đối với phần đất cổ thêm 02 công đất thuộc một phần thửa 135a với số vàng 16 chỉ vàng 24 kara được xác lập vào ngày 20 tháng 10 năm 2018 (cũng ghi trong cùng một tờ giấy với hợp đồng cổ trước), khi đó ông T đã chết ngày 17/7/2018 trong khi hàng thừa kế thứ nhất của ông T chưa liên hệ với Nông trường Sông H để được chuyển tên trong hợp đồng thuê khoán lại tự ý đi cổ đất cho ông D và bà Th là cũng không hợp pháp.

Do giao dịch này nguyên đơn không khởi kiện yêu cầu giải quyết. Bị đơn có nộp đơn yêu cầu phản tố nhưng bị đơn không nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm; người có quyền và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại tuyên hợp đồng này là vô hiệu là vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa lại phần tuyên này. Khi hết thời hạn hợp đồng, hoặc các bên đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[4] Đối với cây trồng trên đất do ông Võ Hùng D và bà Thân Thị Th trồng không có yêu cầu phản tố. Do đã hết hạn thỏa thuận cổ đất phần 11 công đất nên ông D và bà Th tự thu hoạch, di dời khi bản án có hiệu lực pháp luật án sơ thẩm không giải quyết phần này là đúng quy định.

[5] Cần dành cho Nông trường Sông H một vụ kiện dân sự khác đối với hàng thừa kế thứ nhất của ông Huỳnh Thanh Tùng, với ông Võ Hùng D và bà Thân Thị Th (nếu có).

[6] Về chi phí tố tụng tại cấp sơ thẩm: Chi phí đo đạc và định giá là 11.000.000 đồng. Bà B, bà L1, ông L2 đã nộp tạm ứng chi phí đo đạc và định giá là 11.000.000 đồng và đã chi thực tế xong nên ông D bà Th có nghĩa vụ hoàn trả cho bà B, bà L1, ông L2.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Hùng D và bà Thân Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 22.304.000 đồng (Hai mươi hai triệu ba trăm lẻ bốn nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho các nguyên đơn tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên ông Võ Hùng D và bà Thân Thị Th không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo pháp luật quy định.

[9] Xét đề nghị của diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Điều 117, 122, 123, 131 và Điều 407 của Bộ luật Dân sự 2015.

Điều 26, 35, 91, 92, 227, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Võ Hùng D và bà Thân Thị Th.

2. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm 07/2022/DSST ngày 24/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, thành phố Cần Thơ.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gồm bà Nguyễn Thị Tuyết B, chị Huỳnh Thị Phương L1 và ông Huỳnh Nguyễn Duy L2.

3.1 Tuyên bố: Tờ cổ đất ngày 10/01/2016 (mặt trước tờ giấy) được xác lập giữa ông Huỳnh Thanh T, Nguyễn Thị Tuyết B với ông Võ Hùng D và bà Thân Thị Th do bà Nguyễn Thị Tuyết B và ông Võ Hùng D cung cấp là vô hiệu.

3.2 Thỏa thuận cổ đất được xác lập giữa Nguyễn Thị Tuyết B, Huỳnh Thị Phương L1 (Phương Lam) với ông Võ Hùng D và bà Thân Thị Th ngày 23/10/2018 (mặt sau tờ giấy) do bị đơn cung cấp chưa xem xét giải quyết.

3.3 Buộc ông Võ Hùng D và bà Thân Thị Th có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết B, chị Huỳnh Thị Phương L1 và anh Huỳnh Nguyễn Duy L2 11 công đất, thuộc một phần thửa 135a theo đo đạc thực tế là 17.115,9 m<sup>2</sup>, số thửa

theo bản trích đo địa chính là 08<sup>1</sup> (vị trí A) loại đất NTS+LUC, tờ bản đồ số 01 đất toạ lạc tại Ấp D, xã E, huyện F, thành phố Cần Thơ.

3.4 Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết B, chị Huỳnh Thị Phương L1 và anh Huỳnh Nguyễn Duy L2 có trách nhiệm trả cho ông Võ Hùng D và bà Thân Thị Th 88 (Tám mươi tám) chỉ vàng 24 kara khi án có hiệu lực pháp luật.

3.5 Vị trí thửa đất được xác định theo bản trích đo địa chính số 37/TTKTTNMT ngày 23/6/2021 và bản trích đo địa chính số 01/TTKTTNMT ngày 27/01/2022 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ (Đính kèm bản án).

3.6 Về cây trồng trên đất ông Võ Hùng D và bà Thân Thị Th tự thu hoạch, di dời khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với phần 11 công đất) .

3.7 Dành cho Nông trường Sông H một vụ kiện dân sự khác đối với hàng thừa kế thứ nhất của ông Huỳnh Thanh Tùng, với ông Võ Hùng D và bà Thân Thị Th (nếu có).

4. Về chi phí tố tụng sơ thẩm: Ông Võ Hùng D và bà Thân Thị Th phải chịu 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng) chi phí đo đạc, định giá. Bà Nguyễn Thị Tuyết B, bà Huỳnh Thị Phương L1 và ông Huỳnh Nguyễn Duy L2 đã nộp tạm ứng 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng) và đã chi thực tế xong nên ông Võ Hùng D và bà Thân Thị Th có trách nhiệm trả lại cho Bà Nguyễn Thị Tuyết B, chị Huỳnh Thị Phương L1 và ông Huỳnh Nguyễn Duy L2 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng).

## 5. Về án phí

5.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Hùng D và bà Thân Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 22.304.000 đồng (Hai mươi hai triệu ba trăm lẻ bốn nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết B, chị Huỳnh Thị Phương L1 và ông Huỳnh Nguyễn Duy L2 số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 10.272.000 đồng (Mười triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 015666 ngày 04/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

5.2 Án phí phúc thẩm: Ông Võ Hùng D và bà Thân Thị Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Võ Hùng D và bà Thân Thị Th số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005286 ngày 22/02/2022 tại Chi cục Thi hành dân sự huyện C, thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án này là phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay.

***Nơi nhận:***

- TAND huyện Thới Lai;
- VKSND TP.Cần Thơ;
- Chi Cục THADS huyện Thới Lai;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Hải**